TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111**/2025/HS-ST
Ngày: 24/3/ 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vì Thị Xôm**

Ông **Giàng A Khá**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Khánh Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85a/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2025/HSST- QĐ ngày 04/3/2025 đối với Bị cáo:

1. Họ và tên: **Quàng Đức L**, sinh năm: 2002, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn M; sinh năm 1981; Con bà: Lường Thị N; sinh năm 1984. Vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án xét xử.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/11/2024 cho đến ngày xét xử *(có mặt tại phiên tòa).*

2. Bị hại: Anh Lò Văn N1; sinh năm 2005; nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

3. Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

3.1 Cháu Lò Văn T; sinh ngày 15/7/2007; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn T là: Ông Lò Văn L1; sinh năm 1972; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Bố đẻ) *(vắng mặt có lý do).*

3.2 Ông Lò Văn L1; sinh năm 1972; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

3.3 Bà Lò Thị Đ; sinh năm 1972; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

Người đại diện theo uỷ quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Đ là: Ông Lò Văn L1; sinh năm 1972; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

3.4 Anh Sềnh A H; sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

3.5 Anh Sùng A S; sinh năm 1984; nơi cư trú: Bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2024, Lò Văn T, sinh ngày 15/7/2007 tự ý điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08 của ông Lò Văn L1 (bố của T) từ nhà ở bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến bản T, xã M, huyện Đ chơi. Đến chiều ngày 27/10/2024, T điều khiển xe đến quán điện tử tên Nguyễn Trung K ở trung Tâm xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên chơi thì gặp Quàng Đức L; sinh năm 2002 và Lò Văn N1; sinh năm 2005 cùng địa chỉ tại bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 23 giờ 27/10/2024 thì Lò Văn N1 hỏi T là "cho anh mượn xe về đi ngủ" T đồng ý bảo "Vâng" rồi đưa chìa khoá xe cho N1. N1 cầm chìa khoá xe rồi đi ra xe mô tô của T. N1 gọi L "Bạn ơi đi về thôi", nghe thấy thế L đứng dậy đi ra cửa hỏi "Bạn ơi, có xe không?" N1 trả lời "mượn xe mô tô của T rồi mai trả", rồi N1 chở L đi về nhà L ngủ, cả hai ngủ đến khoảng 06 đến 07 giờ sáng ngày 28/10/2024, N1 rủ L đến quán điện tử để trả xe cho T. Đến nơi, N1 vào quán thì thấy T vẫn ngồi chơi điện tử nên N1 chưa trả xe mà điều khiển xe chở L đi đến khu vực đường thuộc bản H, xã N, huyện Đ thì N1 bảo L đứng ở xe chờ còn N1 đi bộ vào trong bản. Tại đây, N1 gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) và hỏi mua H1 phiến sử dụng, N1 đưa cho người đàn ông đó 100.000 đồng, người đàn ông đó đưa cho N1 01 gói nilon màu trắng bên trong có 03 viên Hồng phiến bị sứt mẻ. Mua xong ma tuý N1 lên rừng sử dụng ma tuý được một lúc thì L đến xin N1 sử dụng cùng. Sử dụng hết ma tuý vừa mua được xong thì vứt ống điếu cùng sử dụng ma tuý và bật lửa ga vào bụi cây gần đó. Sau đó N1 đưa chìa khoá xe cho L để L điều khiển, còn N1 ngồi phía sau đi về. Đến nhà là khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, cả hai cùng ngồi nói chuyện một lúc rồi đi ngủ đến khoảng 10 giờ sáng thì L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08 chở N1 xuống Trung tâm xã M để chơi. Khi đi đến gần nhà anh T1 (người quen của L) thì gặp anh Lường Văn B là bác ruột của L, anh B đã

mắng L "Mày không chịu đi làm, suốt ngày đi chơi", thấy vậy L dừng xe lại, còn N1 đi vào sau cánh cửa nhà anh T1, cách chỗ L đứng khoảng 05 đến 06 m. L nghe anh B nói một lúc rồi gọi N1 "Bạn ơi đi về đi" nhưng L không chờ N1 mà đi xe một mình về nhà ở bản N, xã M, huyện Đ. Còn N1 nghĩ L đi đâu có việc rồi sẽ quay lại đón N1 nên N1 đi bộ đến quán điện tử thì gặp T. T hỏi N1 về chiếc xe mô tô thì N1 bảo L đang mượn đi rồi N1 ngồi chơi điện tử. Khi L về đến nhà được khoảng 10 phút, không thấy N1 về thì L nảy sinh ý định mang xe mô tô đang mượn bán lấy tiền nên L điều khiển chiếc xe trên đến nhà anh Sềnh A H ở bản H, xã N, huyện Đ và hỏi anh H có biết chỗ nào mua xe không, anh H bảo L lên bản S, xã N, huyện Đ hỏi. Sau đó, anh H đưa L đến nhà anh Sùng A S ở bản S, xã N, huyện Đ. Đến nơi, anh H hỏi anh S bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08, anh S hỏi L "xe có giấy tờ không? Có phải xe trộm cắp không?" L trả lời "Xe không có giấy tờ, xe này là xe của em, giấy tờ xe đang bị Cảnh sát giao thông giữ". Anh S đi thử xe và L đòi bán với giá 2.000.000 đồng, Anh S trả 1.500.000 đồng, L bảo giá 1.600.000 đồng mới bán. Anh S đồng ý mua xe với giá 1.600.000 đồng rồi trả trả tiền cho L. Bán xe xong, L cùng anh H đi bộ về nhà anh H ở bản H, xã N, huyện Đ, trên đường về, L mua nước và thuốc lá hết 45.000 đồng. Sau đó cùng anh H đi bộ về nhà anh H ở bản H, xã N. Khoảng 16 giờ cùng ngày về đến nhà anh H, L có xin anh H cho ngủ nhờ, anh H đồng ý, đến khoảng 17 giờ L đi bộ một mình đến khu vực đồi thuộc bản H, xã N để mua ma tuý sử dụng cho bản thân, khi đến nơi L gặp một người đàn ông nghe người nghiện gọi tên là V để hỏi mua ma tuý, Bị cáo hỏi người đàn ông đó "có Heroine bán không?" người đàn ông đó trả lời "có". L đưa hết số tiền 1.555.000 đồng còn lại sau khi bán xe mô tô cho người đàn ông đó, người đàn ông cầm tiền đi đâu một lúc quay lại đưa cho Bị cáo 01 gói nilon màu trắng, miệng gói xoắn lại bên trong có 01 cục Heroine. Mua xong ma tuý Bị cáo mang về nhà anh H và 03 lần Bị cáo đi một mình lên đồi sử dụng bằng hình thức hít, số ma tuý còn lại Bị cáo cất vào túi quần đang mặc đi về nhà anh H ngủ ở gian bếp nhà anh H. Đến khoảng 06 đến 07 giờ ngày 29/10/2024, Nam vào nhà anh H hỏi Bị cáo "xe đâu?" Bị cáo trả lời "Xe để ở đường, cắm chìa khoá ở đít xe, đi làm về không thấy, tưởng bạn với T lên lấy rồi". N1 bảo "Chưa lấy, đi tìm đi" nên Bị cáo đi ra khỏi nhà anh H, thấy T và gia đình T cùng Công an xã ngoài đường, nên bị cáo đã lén lút vứt gói ma tuý trong túi quần ra dọc đường. Sau đó Bị cáo được đưa lên Công an xã M, huyện Đ để làm việc và Bị cáo khai là "xe để dọc đường bị mất" nên được Công an xã cho Bị cáo về để đi tìm xe. Sau đó Bị cáo quay lại tìm được gói ma tuý đã vứt ở dọc đường rồi cất vào túi quần và bỏ trốn trên rừng ở bản H, xã N, huyện Đ. Trong thời gian ở rùng Bị cáo đã sử dụng hết gói ma tuý bằng hình thức hít. Đến ngày 31/10/2024, ông Lò Văn L1 làm đơn trình báo với Công an xã M, huyện Đ về việc bị mất xe mô tô biển kiểm soát 27B1-457.08. Cùng ngày, Bị cáo bị Công an xã M, huyện Đ triệu tập lên làm

việc và Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tiền bán xe Bị cáo đã chi tiêu và mua ma tuý sử dụng hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE vành đúc, màu sơn: Đen Xám; biển kiểm soát: 27B1- 457.08; số khung: 3604EY015250; số máy: JA36E0141512, xe cũ đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xác minh làm rõ chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên là của ông Lò Văn L1; Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có con trai là Lò Văn T tự ý điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08 đi chơi điện tử và đã đồng ý cho N1 mượn chiếc xe trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL- ĐGTS ngày 04/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tài sản chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 27B1- 457.08 có giá trị là 4.080.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Bị cáo, Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT-VKSHĐB ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Quàng Đức L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 08 tháng đến 11 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08, ngày 27/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là ông Lò Văn L1 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 1988/QĐ-ĐCSHS ngày 27/12/2024. Ông Lò Văn L1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T và Người đại diện theo uỷ quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lò Thị Đ không yêu cầu Bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự. Đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đối với anh Sùng A S là người mua lại chiếc xe trên của Bị cáo với giá 1.600.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra anh S yêu cầu Bị cáo phải trả lại cho anh S số tiền trên, Bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho anh S. Ngày 21/01/2025 bà Lường Thị N2 (người nhà của Bị cáo) đã nộp số tiền 1.600.000 đồng trên tại cục T2, huyện

Đ theo biên lai số 0000287. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Đối với Bị hại anh Lò Văn N1 là người được anh Lò Văn T cho mượn xe và giao toàn quyền cho anh N1 quản lý trong quá trình mượn, nhưng anh N1 đã cho Bị cáo đi cùng và Bị cáo đã nảy sinh ý định bán chiếc xe trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Ngày 27/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại chiếc xe trên cho cho chủ sở hữu là ông Lò Văn L1 (bố đẻ của anh Lò Văn T). Về mặt dân sự anh N1 cũng không yêu cầu gì với Bị cáo. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho Bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quàng Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 28/10/2024, tại địa bàn xã M và xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, bị cáo Quàng Đức L sau khi được anh Lò Văn N1 cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 457.08 trị giá 4.080.000 đồng của ông Lò Văn L1 để sử dụng, Bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe bằng cách mang đi bán cho anh Sùng A S với giá 1.600.000 đồng. Số tiền bán xe Bị cáo đã chi tiêu cá nhân và mua ma tuý sử dụng hết.

Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng Bị cáo vẫn cố ý thực hiện, lạm dụng sự tín nhiệm của người khác để mượn tài sản của họ không trả, mang đi bán lấy tiền tiêu vào mục đích cá nhân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đủ yếu tố cấu

thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;"

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của Bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được bảo vệ, hành vi này đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Điện Biên và là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tỉnh tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Điện Biên, được gia đình cho đi học hết lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án xét xử.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngày 21/01/2025 người thân trong gia đình của Bị cáo đã nộp đủ số tiền 1.600.000 đồng

tại chi cục THADS huyện Đ để bồi thường cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Sùng A S. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175/BLHS, ngoài hình phạt chính "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Xong xét hoàn cảnh gia đình Bị cáo khó khăn không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Lò Văn N1 không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn L1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Lò Văn T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lò Thị Đ đã nhận lại được tài sản không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của B1 hại anh Lò Văn N1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn L1 có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Sùng A S. Trong quá trình điều tra, anh Sùng A S yêu cầu Bị cáo phải trả cho anh số tiền 1.600.000 đồng, Bị cáo cũng đồng ý sẽ trả cho anh S số tiền trên. Ngày 21/01/2025 người nhà của Bị cáo đã tự nguyện đến Chi cục THADS huyện Đ nộp số tiền trên theo biên lai số: 0000287 ngày 21/01/2025 để trả cho anh S (số tiền trên hiện đang được gửi giữ tại Chi cục THADS huyện Đ theo biên lai số 0000287 ngày 21/01/2025). HĐXX thấy rằng việc gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE vành đúc, màu sơn: Đen Xám; biển kiểm soát: 27B1- 457.08; số khung: 3604EY015250; số máy: JA36E0141512, xe cũ đã qua sử dụng. Ngày 27/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra tra Công an huyện Đ đã trả lại chiếc xe trên cho cho chủ sở hữu là ông Lò Văn L1 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 1988/QĐ-ĐCSHS ngày 27/12/2024. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với việc Lò Văn N1 khai mua 03 viên Hồng phiến sau đó đã cùng với Bị cáo đã sử dụng hết nên không có căn cứ để xác định khối lượng ma tuý. Ngày 31/12/2024 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lò Văn N1 theo Quyết định số: 03/QĐ- XPHC ngày 31/12/2024 bằng hình thức: Cảnh cáo, Xét thấy việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lò Văn N1 của Công an huyện Đ là có căn cứ. Do vậy HĐXX cần chấp nhận.

Đối với việc bị cáo Quàng Đức L khai đã sử dụng ma tuý cùng Lò Văn N1 và sau khi bán xe máy đã dùng hết số tiền 1.555.000 đồng để mua ma tuý của người đàn ông tên là V ở bản H, xã N, Bị cáo đã sử dụng hết, Cơ quan điều tra không thu giữ được ma tuý nên không có đủ cơ sở để xử lý Bị cáo về hành vi Tàng trữ trái pháp chất ma tuý. Vì vậy ngày 31/12/2024 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của bị cáo Quàng Đức L theo Quyết định số: 02/QĐ- XPHC ngày 31/12/2024 bằng hình thức: Cảnh cáo, Xét thấy việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Bị cáo của Công an huyện Đ là có căn cứ. Do vậy HĐXX cần chấp nhận.

Đối với Lò Văn T là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã tự lấy xe mô tô biển kiểm soát: 27B1- 457.08 của ông Lò Văn L1 (là bố đẻ của T) để tham gia giao thông khi chưa đủ tuổi điều khiển xe và sau đó cho Lò Văn N1 mượn và N1 lại cho bị cáo L mượn. Việc N1 cho Bị cáo mượn xe ông L1 không biết. Tuy nhiên T là người chưa đủ tuổi điều khiển xe và chưa có giấy phép lái xe, hành vi của T đã vi phạm vào Điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ- CP ngày 30/12/2019 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ- CP ngày 28/12/2021 quy định XPHC trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng). Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã chuyển Phòng C, Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: G01.813.308.003-981-25- 000877/QĐ-XPHC ngày 19/3/2025 bằng hình thức: Phạt tiền 500.000 đồng. Xét thấy việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn T là có căn cứ. Do vậy HĐXX cần chấp nhận.

Đối với anh Sùng A H2 là người dẫn Bị cáo đến gặp anh Sùng A S để bán chiếc xe mô tô trên. Cả anh H2 và anh S đều không biết xe mô tô trên là xe do Bị cáo phạm tội mà có, sau khi Bị cáo bị bắt, anh S đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Công an. Vì vậy Cơ quan điều tra công an huyện Đ không đặt vấn đề xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Bị cáo mua đã sử dụng hết của người đàn ông tên là V ở bản H, xã N, huyện Đ vào ngày 28/10/2024. Cơ quan điều tra công

an huyện Đ đã xác minh làm rõ tại Công an xã N và cho Bị cáo nhận dạng nhưng không đúng người đã bán ma tuý cho Bị cáo. Vì vậy không có cơ sở để xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[8.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8.2] Về sự vắng mặt của Bị hại và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy Bị hại và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Bị hại và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bị cáo chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại cơ quan điều tra Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 1.600.000 đồng, Bị cáo đồng ý bồi thường và không có ý kiến gì. Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Quàng Đức L** phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo: **10 (mười)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (05/11/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Quàng Đức L bồi thường cho ông Sùng A S số tiền 1.600.000 đồng (số tiền trên đã được người thân của gia đình Bị cáo nộp và hiện đang được gửi giữ tại Chi cục THADS huyện Đ theo biên lai số 0000287 ngày 21/01/2025).

3. Về vật chứng vụ án:

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra tra Công an huyện Đ cho chủ sở hữu là ông Lò Văn L1 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 1988/QĐ-ĐCSHS ngày 27/12/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2025).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- PTTGKVTP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên (PC03; PV06);
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan